

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

Cầm Phả, Tháng 3 năm 2025

Số: 2359 /BC-TĐNCS

Cầm Phả, ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu – TKV.
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh: số 5702162138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp. Đăng ký lần đầu, ngày 26/6/2024.
- Vốn điều lệ: 619.352.020.000 đồng (Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm hai triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam: 402.578.830.000 đồng bằng 65% /Vốn Điều lệ (Bốn trăm linh hai tỷ, năm trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).
- Địa chỉ: Số 42 Kim Đồng, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Điện thoại: 0203. 3863739
- Fax: 0203. 3863 942
- Website: <http://thandeonaicocsau.vn> Email: thandeonai@gmail.com.vn

* Quá trình hình thành và phát triển.

- Việc thành lập:

+ Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là Công ty cổ phần được hợp nhất từ Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin và Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin được ĐHĐCĐ bất thường của 02 Công ty thông qua ngày 28, 29/12/2023 theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt đề án Cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.

Trước khi hợp nhất, CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin là công ty con do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nắm 65% vốn điều lệ, vốn điều lệ của công ty: 294.390.970.000 đồng, được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TDN. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin là khai thác than. Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động khoáng sản số 2817/GP-BTNMT ngày 31/12/2008. Theo giấy phép được cấp, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin được phép khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại các vỉa than: GI1a, GI1b, GI1c, GI2a, GI2b, GI2c, GI2d, GI3a,

GI3b, GI3c, GI3d, GII1, GII2, GII3, 1a, 4a, 4c, 6b thuộc khu vực mỏ Đèo Nai, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Trước khi hợp nhất, CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin là công ty con do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nắm 65% vốn điều lệ, vốn điều lệ của công ty: 324.961.050.000 đồng, được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TC6. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin là khai thác than. Việc sản xuất than theo từng chủng loại được thực hiện theo kế hoạch hàng năm của Tập đoàn TKV. Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin được cấp phép khai thác mỏ (lộ thiên) theo giấy phép khai thác số 2820/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 31/12/2008. Theo giấy phép được cấp, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin được phép khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại các vỉa than: GII, GII1, GII2, GIII, GIV thuộc khu vực mỏ Cọc Sáu, thuộc phường Cẩm Phú, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

+ Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 26/6/2024 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5702162138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp. Đăng ký lần đầu, ngày 24/6/2024 và chính thức có hiệu lực từ ngày 26/6/2024.

- Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là doanh nghiệp hoạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) với tỷ lệ nắm giữ, chi phối là 65% vốn Điều lệ Công ty.

- Công ty đã trở thành Công ty đại chúng theo Văn bản số 919/UBCK-GSĐC ngày 25/02/2025 V/v đang triển khai các thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán tập trung và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại HNX theo quy định.

*** Quá trình tăng/giảm vốn**

- Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV chưa thực hiện tăng/giảm vốn.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ vào Giấy phép đăng ký doanh nghiệp được cấp, Công ty có các ngành nghề kinh doanh chính sau :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520

- Địa bàn kinh doanh: Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh;

- Địa bàn khai thác than: Thành Phố Cẩm Phả.

+ Diện tích toàn bộ khai trường: 20,7 km²

+ Phía Đông giáp Công ty 790 thuộc Đông Bắc

+ Phía Bắc giáp Mỏ than Cao Sơn

+ Phía Nam giáp khu vực dân cư thành phố Cẩm Phả

+ Phía Tây giáp khu vực Lộ Trí (Mỏ than Thống Nhất).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và đang triển khai và thủ tục niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của Nhà nước áp dụng đối với Công ty niêm yết.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và bộ phận phòng ban tham mưu giúp việc.

- Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Giữ ổn định sản xuất và tiêu thụ, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, nâng cao năng suất và tiết kiệm chi phí, Giữ vững công tác an toàn - an ninh trong sản xuất.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Thứ nhất: Tập trung giữ ổn định sản xuất theo kế hoạch dài hạn do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phê duyệt.

+ Thứ hai: Có các chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài, đầu tư lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để phục vụ cho sau này.

+ Thứ ba: Công ty có thể bổ sung vốn kinh doanh từ một số nguồn vay tín dụng các ngân hàng thương mại, huy động vốn nhân rồi từ người lao động trong Công ty hoặc phát hành thêm cổ phiếu theo Điều lệ Công ty để phát triển.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

+ Về công tác bảo vệ Môi trường: Trong quá trình khai thác và tiêu thụ than, Công ty luôn chú trọng về công tác bảo vệ môi trường. Các công trình môi trường thực hiện cơ bản đảm bảo tiến độ, việc trồng và chăm sóc cây, nạo vét mương suối thoát nước, tưới đường thực hiện tốt. Giá trị thực hiện hàng năm đều cơ bản hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

+ Công tác xã hội và cộng đồng: Được thường xuyên quan tâm và tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ từ thiện xã hội trên địa bàn.

5. Các rủi ro: Do điều kiện Mở khai thác lộ thiên khai thác ngày càng xuống sâu nên ảnh hưởng nhiều đến các yếu tố về thiên nhiên thời tiết, điều kiện diện khai thác chật hẹp và gần khu dân cư... làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động SXKD.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV (Công ty hợp nhất) gặp rất nhiều khó khăn: (i) Công ty mới đi vào hoạt động nên công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức sản xuất cần được kiện toàn ngay; (ii) Giá nguyên nhiên vật liệu biến động (xăng, dầu, sắt, thép...); (iii) Điều kiện khai thác xuống sâu, đồ thải khó khăn do diện đồ thải hẹp; cung độ vận chuyển xa, chiều cao nâng tải lớn, năng lực sản xuất khâu vận tải thiếu, xu hướng biến động tăng của giá cả đầu vào làm cho giá thành sản xuất cao; Thiệt hại nghiêm trọng do cơn bão số 3 (bão Yagi) gây ra đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; (iv) Thị trường tiêu thụ than có những thời điểm bị gián đoạn, chất lượng than xấu, giá bán bình quân không đạt kế hoạch; (v) Triển khai công tác

đóng cửa mở 1 phần các GPKT cũ và thủ tục xin cấp giấy phép của Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu- Đèo Nai.

Bên cạnh đó Công ty cũng chủ động nắm bắt thời cơ, thuận lợi để đẩy mạnh SXKD, công tác tiêu thụ từng thời điểm thực hiện tốt do nhu cầu tiêu thụ trên thị trường ở mức cao, đặc biệt tăng tối đa nguồn than cục sản xuất để tiêu thụ nhằm cải thiện giá bán, doanh thu. Cơ sở vật chất trong nhiều năm qua được trang bị đồng bộ hiện đại nâng cao công tác quản lý, tạo điều kiện thuận lợi công tác điều hành. Công ty trong những năm gần đây áp dụng đẩy mạnh áp dụng công nghệ 4.0 vào trong sản xuất theo chủ trương “03 hóa” của TKV nâng cao hiệu quả đối với sản xuất, tiết kiệm chi phí và giá thành sản xuất. Công tác an ninh cơ bản được giữ vững. Công tác an toàn không đạt yêu cầu đề ra.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của người lao động trong toàn Công ty tìm ra nhiều giải pháp tối ưu vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024, kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch 2024 (Điều chỉnh)	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH 2024 (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Than sản xuất	1.000 tấn	1.831	1.868	108
-	Than nguyên khai	”	1.110	1.111	101
-	Than sạch từ ĐDLT	”	721	757	120
2	Than tiêu thụ	1.000 tấn	1.719	1.826	106,2
3	Đất đá bốc xúc CBSX	1.000 m ³	17.214	17.688	102,8
4	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	2.920	2.907	99,6
5	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	275,527	275,527	100
6	Tiền lương b/quân	1000đ/n/t	12.770	13.823	108,2
7	Lợi nhuận (trước Thuế)	Tỷ đồng	40,276	63,694	158,1
8	Chi trả cổ tức (dự kiến)	%	≥3	3	100

Với truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm” Cán bộ công nhân viên đã chung sức đồng lòng, đoàn kết thực hiện tốt nhiệm vụ góp phần hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu chính trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 đã đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

1. Ông Đặng Thanh Bình - Giám đốc Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần đang nắm giữ

Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 522 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không.
- 2. Ông Thiệu Đình Giảng - Phó Giám đốc Công ty.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần đang nắm giữ
 - Trong đó: - Sở hữu cá nhân: 2.576 cổ phần
 - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
 - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không.
- 3. Ông Đinh Thái Bình - Phó Giám đốc Công ty.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần đang nắm giữ:
 - Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 580 cổ phần
 - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- 4. Ông Vũ Trọng Hùng - Phó Giám đốc Công ty
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty cổ phần than Đèo Nai – Cọc Sáu - TKV
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần đang nắm giữ:
 - Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 787 cổ phần
 - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
 - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- 5. Ông Trần Nhật Quang - Phó Giám đốc Công ty
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty cổ phần than Đèo Nai – Cọc Sáu - TKV
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần đang nắm giữ:
 - Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 2.087 cổ phần
 - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
 - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- 6. Bà Vũ Thị Hương - Kế toán trưởng Công ty.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Cọc Sáu - TKV.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 27.784 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không.

*** Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2024:**

Kể từ khi Công ty thành lập và chính thức đi vào hoạt động ngày 26/6/2024 đến nay chưa có sự thay đổi về nhân sự.

* Số lượng, cơ cấu Cán bộ công nhân viên:

* Tổng số lao động:

+ Số lao động đầu kỳ 26/06/2024 : 3654 lao động.

+ Số lao động cuối kỳ 31/12/2024 : 3546 lao động.

Căn cứ công văn số: 2074 /TKV-KH ngày 07/11/2024 của Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV “V/v phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2024 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu -TKV ”; theo kế hoạch Công ty không tuyển lao động trong 6 tháng cuối năm 2024.

Chủ động rà soát, sắp xếp lao động hợp lý, cân đối, luân chuyển lao động giữa các đơn vị theo yêu cầu sản xuất.

Lao động giảm 6 tháng cuối năm 2024 tuyệt đối là : 108 người, gồm: nghỉ hưu 47 người; chấm dứt HĐLĐ 52 người; khác 09 người; Cơ cấu lao động giảm gồm: lao động quản lý 19 người; công nhân kỹ thuật 64 người; lao động phổ thông 24 người

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại thời điểm hợp nhất (ngày 26/6/2024)		Lao động hiện có tại thời điểm 31.12.2024		Tăng /giảm
		Lao động	Tỷ trọng (%)	Lao động	Tỷ trọng (%)	
Tổng số lao động	Người	3.654	100	3.546	100	-108
- LĐ công nghệ	Người	1.896	52,6	1.831	51,6	-65
- Lao động phụ trợ	Người	1.129	29,9	1.108	31,3	-21
- Lao động phục vụ	Người	122	3,6	119	3,3	-3
- Lao động quản lý	Người	507	13,9	488	13,8	-19

Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, Ban hành quy chế quản lý lao động tiền lương theo quy định, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động... luôn được quan tâm, chú trọng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Để kịp thời phục vụ công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất của Công ty trong các lĩnh vực Đầu tư, Bảo vệ môi trường, Quản lý đất đai... kể từ sau khi hợp nhất; Công

ty ban hành: 03 Quy chế; 07 Quy định; 02 Quyết định; 06 Chỉ thị; 02 thông báo; 01 Phương án; 02 Kế hoạch...

3.1. Công tác Đầu tư xây dựng:

- Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển đổi tư cách pháp nhân từ các Công ty cũ (Công ty bị hợp nhất) sang Công ty Cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV để thực hiện bảo đảm các quy định Nhà nước. Triển khai việc điều chỉnh các nội dung trong lĩnh vực đầu tư theo quy định.

- Năm 2024 triển khai 11 dự án, trong đó có 04 dự án chuyển tiếp (trong đó có 01 dự án của Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin, hoàn thành ngày 21/6/2024 trước ngày hợp nhất 26/6/2024), 03 dự án khởi công mới và 04 dự án làm công tác chuẩn bị dự án; đặc biệt trong năm đã hoàn thành công tác chuẩn bị và phê duyệt “Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu – Đèo Nai”, HĐQT Công ty đã phê duyệt tại Quyết định số 3438/QĐ-TĐN ngày 21/06/2024, với tổng mức đầu tư là 2.075 tỷ đồng, công suất khai thác 2,7 triệu tấn than/năm và thời gian thực hiện dự án 15 năm (dự kiến kết thúc khai thác năm 2039, không bao gồm thời gian cải tạo phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ) “đây là một trong những dự án trọng điểm đầu tư chiến lược định hướng phát triển Công ty giai đoạn từ cuối năm 2024 đến hết năm 2039, đồng thời là dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực năng lượng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 ÷ 2030, tầm nhìn đến 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023”; xác định tầm quan trọng của dự án, Công ty tiếp tục chủ động xây dựng kế hoạch tiến độ chi tiết, cụ thể trình HĐQT Công ty thành lập Ban chỉ đạo, các Tổ thực hiện để chỉ đạo và thực hiện xuyên suốt quá trình thực hiện và kết thúc dự án, với mục tiêu “thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư dự án từ Quý IV/2024 đến 31/12/2028, xin cấp Giấy phép khai thác hoàn thành trong tháng 6/2025, duy trì hoạt động của dự án đến hết thời điểm theo quy định của GPKT được Bộ TN&MT phê duyệt và Đóng cửa mỏ của dự án sau kết thúc khi thác theo quy định”; Công ty đang triển khai thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai theo Quyết định số 3168/QĐ-TĐNCS ngày 22/10/2024 của Công ty hoàn thành việc LCNT các gói thầu của Dự án đã có trong kế hoạch thực hiện năm 2024, đã bàn giao đưa vào sử dụng 01 Máy xúc thủy lực gầu ngược 12m³ ngày 24/12/2024 và 11 xe ô tô Komatsu HD785-7 ngày 27/12/2024, đảm bảo tiến độ về phục vụ sản xuất. (4) Tiếp tục rà soát hoàn chỉnh việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết đối với các CT-PX khu vực KTC6 và hệ thống sàng tuyển, chế biến than để đáp ứng và phù hợp với yêu cầu sản xuất của Công ty sau hợp nhất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo. (5) Các dự án khác đang triển khai thực hiện theo tiến độ. (6) Bám sát mục tiêu phát triển của Ngành, định hướng và kế hoạch đầu tư của Công ty, triển khai công tác đầu tư có trọng tâm trọng điểm các thiết bị hiện đại, tiên tiến phù hợp với điều kiện công nghệ khai thác xuống sâu của mỏ; giá trị thực hiện dự kiến năm 2024 là 275.527 triệu đồng, so với kế hoạch đầu năm đạt 132,4%, so với kế hoạch điều chỉnh đạt 100%.

3.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư:

(1) Về cơ bản Công tác đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đến giai đoạn kết thúc thực hiện theo kế hoạch, đúng quy định hiện hành về Quản lý ĐTXD của Nhà nước cũng như của TKV; các thiết bị, các công trình đầu tư đều đạt chất lượng, hoạt động và vận hành tốt, không có sự cố xảy ra; công tác lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện đúng và vượt lộ trình quy định của theo quy định tại khoản 8 Điều 97 Nghị định 24/2024/NĐ-CP, cụ thể: Đối với “Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai” (100% các gói thầu các gói

thầu mua sắm hàng hóa đều thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hành cạnh tranh qua mạng)..

3.3. Các khó khăn, vướng mắc:

(1) Đối với việc xin cấp GPKT cho “Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu _ Đèo Nai”:

- Ngày 16/7/2024 Công ty đã nộp hồ sơ tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả, mã hồ sơ 000.00.35.G13-240716-0003; Ngày 31/7/2024 Cục KSVN có văn bản số 1978/KSVN-TĐHS đề nghị Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả trả lại hồ sơ với lý do “Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia là quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng với nội dung khác với nội dung quy hoạch sử dụng tài nguyên, không phải là quy hoạch khoáng sản nên không thể làm căn cứ cấp phép hoạt động khoáng sản than theo khoản 2 Điều 8 Luật số 35/2018/QH14” làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

- Ngày 08/3/2025 Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà có ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 1866/VPCP-CN “Đồng ý chủ trương căn cứ vào Quy hoạch khoáng sản than tại Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025 để cấp phép thăm dò, khai thác đối với khoáng sản than”.

- Ngày 24/3/2025 Công ty đã nộp lại hồ sơ tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả, mã hồ sơ 000.00.35.G13-250324-0002; Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ ngày 27/3/2025; Thời gian trả kết quả (dự kiến) ngày 29/7/2025.

(2) Do ảnh hưởng Con bão số 3 (Bão Yagi) ngày 07/9/2024, đã đổ bộ trực tiếp vào tỉnh Quảng Ninh với sức gió mạnh nhất gần tâm bão cấp 12 ÷ 13, giật cấp 16, kéo dài liên tục trong nhiều giờ (Cẩm Phả là một trong những địa phương có tâm bão đi qua, chịu nhiều tác động mạnh nhất bởi Con bão này), làm cho Công ty bị thiệt hại nặng nề về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nhà điều hành, nhà xưởng vật kiến trúc, rừng trồng cải tạo cảnh quan môi trường... Cán bộ, công nhân viên của phòng phải tập trung công tác khắc phục sau Bão mất nhiều thời gian làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch...

(3) Do ảnh hưởng của cuộc chiến giữa Nga - Ukraina, làm ảnh hưởng đến địa chính trị thế giới (một số nước cấm vận lẫn nhau...) dẫn tới trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn về: thu thập tài liệu, trao đổi thông tin và giá cả vật tư, vật liệu đầu vào tăng cao khó xác định, tiến độ thực hiện gặp khó khăn...

b) Các công ty con, Công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	%
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản		2.343.882.582.953	
Doanh thu thuần		2.893.881.498.708	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		62.583.079.809	
Lợi nhuận khác		1.110.598.808	
Lợi nhuận trước thuế		63.693.678.617	
Lợi nhuận sau thuế		62.603.420.556	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		Dự kiến 3 %	

Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		0,99	
TS ngắn hạn /Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:		0,48	
(TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0,69	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		2,21	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:		4,38	
(Giá vốn hàng bán)/ (Hàng tồn kho bình quân)			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		1,23	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		2,16	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		9,66	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		2,67	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần		2,16	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- a) Cổ phần: - Tổng số cổ phần đang lưu hành: 61.935.202 cổ phần.
 - Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 61.935.202 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: Tính đến ngày 28/02/2024 theo danh sách Công ty đang quản lý do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp ngày gần nhất.

STT	Cơ cấu Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC (5.661 cổ đông)	61.767.657	99,73
1	Cá nhân: 5.644 cổ đông	21.299.903	34,39
2	Tổ chức: 17 cổ đông, trong đó:	40.467.754	65,34
-	01 cổ đông Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	40.257.883	65,00
-	16 cổ đông tổ chức khác	209.871	0,34
II	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI (34 cổ đông)	167.545	0,27
1	Cá nhân: 26 cổ đông	131.727	0,21

STT	Cơ cấu Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
2	Tổ chức: 8 cổ đông	35.818	0,06
Tổng cộng:		61.935.202	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp do khai thác than lộ thiên tại Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV, chi tiết trong bảng sau:

Nguồn phát sinh	Tổng sản lượng than	Hệ số phát thải	Lượng CH ₄ phát sinh	Hệ số chuyển đổi đơn vị	Lượng CH ₄ phát sinh
	(Tấn)	(m ³ /tấn)	(m ³)	(Gg CH ₄ /m)	(Gg CH ₄)
	A	B	C	D	E
			C = A*B	0,67x10 ⁻⁶	E=C*D
Khai thác	1.110.889	1,2	1.333.066,8	0,00000067	2,13
Sau khai thác		0,1	111.088,9	0,00000067	0,18

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty trong năm.

Sản phẩm chính là khai thác than và giao nộp cho TKV thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh hàng năm.

- Công suất của dự án: (1) Mỏ Đèo Nai theo GPKT số 2817 là 1,75 tr. tấn than nguyên khai/năm; (2) Mỏ Cọc Sáu theo GPKT số 2820 là 3,50 tr. tấn than nguyên khai/năm.

- Diện tích quản lý (theo quy hoạch được duyệt): (1) Mỏ Đèo Nai là 1.435 ha; (2) Mỏ Cọc Sáu là 1.052 ha

- Loại mỏ: Lộ thiên

- Sản lượng than nguyên khai năm 2024: 1.110.889 tấn.

- Doanh thu tổng số năm 2024: 2.907 tỷ đồng.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty sản xuất khai thác than và tiêu thụ theo kế hoạch TKV giao, sản phẩm than sản xuất chưa tiêu thụ thì được để tồn tại các kho bãi chứa đảm bảo theo quy định.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

6.2.1. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

6.2.1.1. Năng lượng điện:

Từ ngày 26/6/2024 Công ty hợp nhất đi vào hoạt động, nguồn điện 6kV phục vụ sản xuất của Công ty được cấp từ 02 trạm biến áp: Trạm biến áp 35/6kV 2x7.500KVA mặt bằng +118 khai trường Đèo Nai và trạm biến áp 35/6kV 2x10.000KVA mặt bằng +90 khai trường Cọc Sáu. Trong năm 2024 công tác cung cấp điện cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Tuy nhiên do ảnh hưởng cơn bão số 3(YAGI) đã gây thiệt hại rất lớn đến hệ thống cung cấp điện, mất điện trên diện rộng. Nhưng với sự quyết tâm cao, đoàn kết, tập trung giám sát và chỉ đạo quyết liệt của Ban Lãnh đạo Công ty hệ thống cung cấp điện đã được củng cố sửa chữa, đóng điện cấp điện trở lại kịp thời. Căn cứ vào hiện trạng mực nước moong sau cơn bão số 3, phòng đã chủ động khảo sát xây dựng phương án cung cấp điện 6 kV cho 05 dãy bơm hoạt động tại moong Vía chính (từ năm 2024 trở về trước chỉ huy động tối đa 04 dãy bơm), góp phần hoàn thành bơm cạn nước moong đúng theo tiến độ, đảm bảo an toàn.

Tình hình tiêu thụ điện năng tại các điểm sử dụng điện:

- Tại Khai trường Đèo Nai:

+ Trạm 35/6kV	: 28.120.735 kWh
+ Trạm treo VP Công ty	: 833.107 kWh
+ Điểm đầu nối Tổ xe Văn phòng	: 44.183 kWh
+ Điểm đầu nối Tổ lọc nước	: 19.280 kWh
+ Điểm đầu nối Kho Vật tư	: 24.552 kWh
+ Điểm đầu nối Đ2 Bắc cọc sáu	: 1.030 kWh

- Tại Khai trường Cọc Sáu:

+ Trạm 35/6kV	: 31.769.816 kWh
+ Điểm đầu nối bảng điện tử ngã ba Cọc Sáu	: 572 kWh
+ Điểm đầu nối chiếu sáng đèn đường Cọc Sáu	: 30.726 kWh
+ Điểm đầu nối chiếu sáng sân vận động Cọc Sáu	: 5.696 kWh
+ Điểm đầu nối Trạm Y tế Cọc Sáu	: 26.852 kWh

Báo cáo sử dụng điện trong năm 2024:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024
I.	Khai trường Đèo Nai	
1	Điện sản xuất (kw)	27.385.023
2	Điện đơn vị ngoài sử dụng (kW)	1.657.864
3	Điện tổng số (kW)	29.042.887
4	Hệ số cosφ	0,94
5	Chỉ tiêu kWh/Tấn	15,04

6	Chỉ tiêu KWh/m ³	0,85
7	Mất điện phía 35 kV	41 (112h08')
8	Mất điện nội bộ	18 (04h55')
9	Giá điện SX (đồng/kWh)	1.802,85
II.	Khai trường Cọc Sáu	
1	Điện sản xuất (kW)	31.386.991
2	Điện đơn vị ngoài sử dụng (kW)	446.671
3	Điện tổng số (kW)	31.833.662
4	Hệ số cosφ	0,94
5	Chỉ tiêu KWh/Tấn	33,73
6	Chỉ tiêu KWh/m ³	
7	Mất điện phía 35kV	55(125h10')
8	Mất điện nội bộ	127 (145h26')
9	Giá điện SX (đồng/kWh)	1.821,41

Trong năm 2024, suất tiêu hao điện năng tăng so với kế hoạch:

+ Khai trường Đèo Nai: Tăng 1,36kWh/Tấn than (KH năm 2024 là 13,4kWh/Tấn than, thực hiện 15,04kW/Tấn than). Nguyên nhân do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (YAGI), dẫn đến khối lượng bơm nước moong tăng so với kế hoạch và phát sinh bơm nước phục vụ sửa chữa cửa lò +28 (thực hiện 8.853.457m³/kế hoạch 6.425.000m³ và 762.622m³ bơm nước cửa lò +28).

+ Khai trường Cọc Sáu: Tăng 14,19kWh/Tấn than (KH năm 2024 là 19,54kW/Tấn than, thực hiện 33,73kW/Tấn than). Nguyên nhân do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (YAGI), dẫn đến khối lượng bơm nước moong tăng so với kế hoạch và phát sinh bơm nước phục vụ sửa chữa cửa lò +28 (thực hiện 9.021.457m³/kế hoạch 7.440.000m³ và 1.626.491m³ bơm nước cửa lò +28).

* Các Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Việc thực hiện tiết kiệm năng lượng tập trung vào các giải pháp chính như:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng hàng năm.
- Khoán chi phí tới các công trường, phân xưởng, các khâu phục vụ sản xuất từ đó giúp việc sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.
- Huy động các thiết bị điện có công suất lớn hoạt động tối đa vào giờ thấp điểm, hạn chế huy động vào giờ cao điểm
- Thay thế các thiết bị sử dụng có giờ hoạt động cao, không hiệu quả bằng thiết bị đầu tư mới.

- Công ty ban hành quyết định số 96/QĐ-TĐNCS ngày 26/6/2024 về việc thành lập mạng lưới quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Thủ trưởng các đơn vị thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở cán bộ công nhân đơn vị thực hiện nghiêm quyết định số 3030/QĐ-TĐNCS ngày 15/10/2024 của Giám đốc Công ty về việc ban hành “Quy định sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”.

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hội thảo do TKV và Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh tổ chức, cụ thể: Tháng 7 năm 2024 tham dự lớp “Tập huấn nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực Công nghiệp năm 2024” do Sở Công Thương tổ chức.

* Kết quả thực hiện tiết kiệm năng lượng trong năm 2024 = 10.824,880 triệu đồng. Cụ thể:

Điện năng : KTCS : 83.846 kWh = 150,132 triệu đồng

KTĐN : 93.587 kWh = 168,344 triệu đồng

Nhiên liệu : KTCS : 211.665 lít = 3.455,024 triệu đồng.

KTĐN : 417.581 lít = 7.051,380 triệu đồng.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước mặt tại hồ Nam Đèo Nai, hồ Bara, Khe Rẻ nước moong Vía Chính, nước tại trạm xử lý nước thải mỏ +25 núi Nhện mỏ Thống Nhất, Trạm xử lý nước thải mỏ Cọc Sáu và nước mua của Xí nghiệp nước Cẩm Phả. Lượng nước trung bình sử dụng:

- Lưu lượng nước khai thác trung bình: 682m³/ngày đêm;

- Lưu lượng khai thác lớn nhất: 1.665 m³/ngày đêm (hồ nam Đèo Nai); 1.330 m³/ngày đêm (Hồ baza);

- Tổng lưu lượng nước khai thác sử dụng năm 2024: 79.162 m³;

- Nước sử dụng trong sinh hoạt ở các khu vực văn phòng được xử lý đảm bảo đúng quy định và thải qua các hệ thống công thoát nước của Thành phố Cẩm Phả.

- Nước thải:

+ Toàn bộ lượng nước thải này được bơm dẫn trực tiếp từ moong khai thác (qua hệ thống bơm và mương xây) về trạm xử lý nước thải mỏ Cọc Sáu để xử lý. Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường-TKV (Đơn vị được TKV giao quản lý vận hành trạm Trạm xử lý nước thải mỏ Cọc sáu) xử lý toàn bộ nước thải mỏ (Đơn vị này có Giấy phép xả nước thải đã xử lý ra môi trường với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT).

+ Nước thải vệ sinh công nghiệp nhiễm dầu mỡ tại các Công trường - Phân xưởng được thu gom vào bể thu lắng lọc, dầu mỡ thải được thu gom và xử lý theo quy định về xử lý chất thải nguy hại, nước thải còn lại chảy vào hệ thống thoát nước chung của mỏ, sau đó bơm về Trạm xử lý nước thải mỏ than Cọc Sáu để xử lý. Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhiễm dầu mỡ có công suất thiết kế 30m³/ngày đêm và hệ thống dẫn nước thải sau xử lý về Trạm xử lý nước thải xử lý tiếp.

b) Tình hình nộp thuế tài nguyên nước, cấp quyền khai thác nước:

- Thuế tài nguyên nước: 7.124.580 đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác nước: 0 đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động có mặt đến 31/12/2024: : 3.546 người

- Tiền lương bình quân thực hiện của NLĐ: 13,78 triệu đồng/người/tháng.

Trong năm đã ban hành các quy định bổ sung tiền lương, tiền lương khuyến khích kịp thời động viên CBCNV có thành tích trong công tác góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ SXKD.

Quy chế quản lý lao động và tiền lương Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV QĐ số 33/QĐ-TĐNCS 26/06/2024.

Quy định trả lương và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ QĐ số 2670/QĐ-TĐNCS 01/10/2024.

Quy định trả lương theo kết quả đánh giá bằng KPIs áp dụng trong Công ty Cổ phần Than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV QĐ số 737/QĐ-TĐNCS 11/07/2024.

(Áp dụng KPIs để trả lương cho cán bộ, công nhân viên phòng ban, quy định trả lương và các biện pháp kinh tế gắn với trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ). Rà soát, cân đối chất lượng lao động các đơn vị, bố trí đủ số LĐ cho các đơn vị đảm bảo ổn định sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tại các đơn vị trong công tác quản lý lao động và ăn chia phân phối tiền lương, tiền thưởng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Trong những năm qua, Công ty đã chủ động, thực hiện nhiều giải pháp nhằm chăm lo tốt nhất đến người lao động, tạo đủ công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, sử dụng tối đa và hiệu quả các nguồn quỹ phúc lợi, các nguồn kinh phí khác từ giá thành sản xuất để quan tâm đến người lao động. Cho đến thời điểm này, Công ty không để trường hợp người lao động nào không có việc làm, không có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện về các vấn đề liên quan đến người lao động xảy ra.

Công ty triển khai nhiều chính sách lao động nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động được thực hiện hàng năm như: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ; khám chuyên đề cho lao động nữ, cho công nhân làm nghề nặng nhọc độc hại và đặc biệt nặng nhọc, độc hại. Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho người lao động trước khi làm việc theo từng chức danh, ngành nghề, tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại đảm bảo đủ chất, đủ lượng. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức cho Người lao động có sức khỏe yếu đi nghỉ mát và điều trị tại các cơ sở trong TKV. Tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát bằng nguồn chi phí sản xuất.

d) Hoạt động đào tạo đối với người lao động.

* Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Tổ chức phối hợp với Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin và Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật các kiến thức quy định mới trong các lĩnh vực quản lý cho cán bộ nhân viên; đào tạo cấp chứng chỉ, chứng nhận cho công nhân kỹ thuật. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng những chương trình theo chức danh được TKV phê duyệt, đào tạo kiêm nhiệm, chuyển đổi các nghề dôi dư sang làm các ngành nghề còn thiếu, đặc thù, các ngành nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về công tác an toàn lao động để bố trí hợp lý lao động, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất.

* Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng công nhân kỹ thuật:

- Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, nhu cầu sử dụng lao động của các đơn vị, Công ty rà soát lực lượng lao động, có kế hoạch đào tạo kiêm nhiệm, chuyển đổi một số ngành nghề đặc thù, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, khó tuyển dụng để đảm bảo về công tác an toàn LĐ, có nguồn dự phòng và kịp thời bổ sung, thay thế kịp thời, đáp ứng yêu cầu sản xuất.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động số 109/Ctr-TKV ngày 28/6/2022 của TKV “V/v Thực hiện Nghị quyết liên tịch số 27-NQ/ĐU ngày 13/4/2022 của Đảng ủy TKV về tăng cường công tác lãnh đạo thực hiện công tác BVMT trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn đến 2025, định hướng đến năm 2030”. Công ty luôn quan tâm thực hiện và coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, là trách nhiệm của cấp ủy, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cả hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu; phương châm lấy bảo vệ sức khỏe người lao động và nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh hài hòa, thân thiện đi đôi với công tác BVMT. Với quan điểm và mục tiêu trên, năm 2024 các giải pháp BVMT chính Công ty triển khai thực hiện, cụ thể: (1) Về thủ tục pháp lý: Công ty đã hoàn thành đầy đủ các hồ sơ và thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường trong khai thác than; năm 2024 tiếp tục triển khai thực hiện những nội dung yêu cầu của Giấy phép BVMT số 424/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022; Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1550/QĐ-BTNMT ngày 13/8/2009 và thực hiện đúng Quy chế bảo vệ môi trường trong Công ty đã ban hành; năm 2024 đã hoàn thành việc lập và được Bộ TN&MT phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án khai thác cụm mỏ Cọc Sáu Đèo Nai tại Quyết định số 1301/QĐ-BTNMT ngày 14/5/2024. (2) Công tác chỉ đạo: Đã ban hành 13 văn bản chỉ đạo thực hiện công tác Bảo vệ môi trường. (3) Công tác giám sát, quan trắc môi trường định kỳ: Được thực hiện theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá môi trường được phê duyệt; các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép; kết quả quan trắc được báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. (4) Công tác xử lý nước thải: Nước thải moong khai thác được bơm dẫn trực tiếp về Trạm xử lý nước thải mỏ Cọc Sáu và thuê Công ty Môi trường xử lý đạt tiêu chuẩn loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT; năm 2024 xử lý 12,2 triệu m³ nước thải mỏ. Nước thải vệ sinh công nghiệp tại các CT - PX được đưa vào bể thu lắng lọc, dầu mỡ thải được thu gom và xử lý theo quy định, nước thải còn lại sau đó được bơm dẫn tự động về Trạm xử lý nước thải mỏ Cọc Sáu để tiếp tục xử lý. Đảm bảo nguồn nước phục vụ công tác chống bụi bảo vệ môi trường trong mùa hanh khô. (5) Công tác quản lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt: Công ty thuê đơn vị chuyên ngành có đủ năng lực, pháp lý để thu gom xử lý; năm 2024 thu gom xử lý khoảng 650 tấn chất thải nguy hại và 280 tấn rác thải sinh hoạt; 20 tấn chất thải rắn công nghiệp thông thường việc thu gom, xử lý được thực hiện đúng định kỳ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. (6) Công tác bảo vệ môi trường không khí: Tại các tuyến đường vận tải chuyên dụng, mặt bằng kho bãi, đầu đường bãi thải, tuyến đường dân sinh qua khu dân cư Công ty vẫn duy trì 02 Phân xưởng Vận tải chuyên dụng để thực hiện công tác dập bụi, với trên 150 CBCN và gần 20 xe ô tô chở nước (có sức chở từ 20 ÷ 50,5m³/xe); tại các bãi thải ngoài việc sử dụng các thiết bị tưới nước trên mặt bằng đầu đường bãi thải, Công ty đầu tư đưa vào vận hành 12 hệ thống máy phun sương cao áp di động để phun dập bụi nhằm giảm thiểu tối đa bụi phát tán ra môi trường; tại các kho than và khu vực sàng tuyển, chế biến than đều có hệ thống lưới chắn bụi cao từ 7÷14 m, kết hợp với hệ thống phun sương dập bụi có công suất 30m³/h và 02 máy phun sương cao áp (có bán kính phun xa 120÷150m);

tại các máy khoan xoay cầu sử dụng phương pháp dập bụi bằng hỗn hợp khí nén và nước, các máy khoan thủy lực sử dụng thiết bị lọc bụi. (7) Công tác cải tạo phục hồi môi trường: Tiếp tục trồng bổ sung, duy trì chăm sóc trên 250 ha cây đã trồng tại bãi thải Nam Đèo Nai, Mông Giang, Đông Khe Sim...; năm 2024 trồng hoàn thành 55,09 ha cây tại các bãi thải Nam khe Tam, Đông Khe Sim, Trong Lộ Trí và Đông Cao Sơn (trong đó có 32,68 ha cây Lát hoa); tổ chức phát quang các loại thực bì tại bãi thải Nam Đèo Nai, các khu vực quang mặt bằng sản xuất công nghiệp với diện tích gần 200.000m² để phòng chống cháy rừng trong mùa hanh khô; thường xuyên chăm sóc cải thiện cảnh quan môi trường các khuôn viên trên khai trường mở bám sát tiêu chí Sáng – Xanh – Sạch đã được Tổng Giám đốc TKV ban hành. (8) Thực hiện hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường: Theo đúng kế hoạch, bảo tiến độ, chất lượng đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường. (9) Chi phí thực hiện dành cho công tác bảo vệ môi trường: Dự kiến năm 2024 thực hiện là 60.550 tỷ đồng/65.301 bằng 93% kế hoạch (so với cùng kỳ năm 2023 đạt 106,3%).

Nhìn chung công tác bảo vệ môi trường tại Công ty trong năm qua về cơ bản thực hiện tốt, phù hợp với ĐTM, Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, có thời điểm cục bộ việc phun sương dập bụi chưa được triệt để, cùng với hệ thống cây xanh bị Con bão số 3 tàn phá chưa kịp phục hồi, dẫn đến phần nào làm cho bụi ảnh hưởng đến môi trường khu vực phía Bắc Thành phố (các phường Cẩm Tây, Cẩm Đông); ngày 20/11/2024, Đoàn kiểm tra của thành phố đã yêu cầu Công ty tạm dừng việc củng cố tuyến đường; Công ty đã kịp thời khắc phục ngay, có các giải pháp bảo vệ môi trường, biện pháp thi công phù hợp báo cáo UBND thành phố và đã được UBND thành phố đồng ý cho hoạt động trở lại ngày 22/11/2024.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Trong năm 2024, tình hình SXKD của toàn Tập đoàn, Công ty còn gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh phương Tây, trong khi hầu hết các thiết bị xe máy của Công ty có thời gian lũy kế cao dẫn tới các thiết bị chưa phát huy được năng suất, hoạt động chưa ổn định và thực hiện chi phí còn tăng...

Trước tình hình đó, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, xây dựng các chương trình hành động cụ thể như phát động thi đua hạ moong Vía chính, xây dựng các chương trình trọng điểm và giao trách nhiệm cho từng cá nhân, tập thể phụ trách, chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, đời sống cho người lao động, do vậy kết quả SXKD năm 2024 của Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Trong năm, Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Công ty đã tăng cường công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, kết quả SXKD năm 2024 đã có lãi, lợi nhuận sau thuế : 62,603 tỷ đồng, đảm bảo chia cổ tức và các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông.

1.1. Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính

Tại thời điểm 31/12/2024 vốn chủ sở hữu của Công ty là: 729,909 tỷ đồng (MS410). Trong đó vốn góp của Chủ sở hữu là: 619,352 tỷ đồng (MS 411). Trong năm Công ty không có sự biến động về tăng, giảm vốn góp. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của TKV là 65% tương ứng số vốn góp là: 402,578 tỷ đồng, các cổ đông khác nắm giữ là 35% tương ứng với số vốn góp: 216,773 tỷ đồng.

Công ty quản lý nợ theo quy chế quản lý nợ số 1323/QĐ-TĐNCS ngày 01/08/2024. Tại thời điểm 31/12/2024 Trên cơ sở phân tích tuổi nợ của Công ty, Công ty không có nợ quá hạn, không có nợ khó đòi phát sinh mới.

* Kiểm kê tài sản:

Tại thời điểm 01/01/2025, Công ty đã tổ chức kiểm kê tài sản, vật tư, hàng hóa, CCDC theo Quyết định số 4678/QĐ-TĐNCS ngày 05/12/2024 về việc thành lập Hội đồng kiểm kê và phương án kiểm kê số 4763/PA-TĐNCS ngày 09/12/2024. Kết quả kiểm kê theo báo cáo của Công ty: không có tài sản bị thiếu hụt, các vật tư được đánh giá phân loại sau kiểm kê.

* Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC (25/4/2013) của Bộ Tài chính. Năm 2024 Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tài sản là phương tiện vận tải, máy móc thiết bị. Khấu hao TSCĐ năm 2024 là 101,6 tỷ đồng (trong đó khấu hao nhanh 9,5 tỷ đồng).

* Công ty thực hiện kê khai và nộp các loại thuế theo quy định của Nhà nước, khoản thuế còn phải nộp Nhà nước 41 tỷ đồng.

=> Tại thời điểm 31/12/2024 Công ty bảo toàn vốn.

1.2. Các mặt hoạt động khác từ xây dựng kế hoạch đến chỉ đạo điều hành, tổ chức sản xuất, quản trị chi phí đều được kiểm soát chặt chẽ từng tháng, quý; Công tác tái cơ cấu tổ chức và lao động được thực hiện một cách hợp lý từ việc xã hội hóa khâu phục vụ phụ trợ, đến sáp nhập các phòng ban cho phù hợp quá trình chỉ đạo điều hành; đến thực hiện các chính sách đối với người lao động và các công tác khác đều có sự phối kết hợp, đồng thuận giữa HĐQT - BKS - Bộ máy điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình về tài sản.

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	31/12/2024	01/01/2024
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.181.605.010.711	
TÀI SẢN DÀI HẠN	1.162.277.572.242	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.343.882.582.953	

Trong năm về sử dụng tài sản đem lại hiệu quả trong SXKD. Dư vay ngắn hạn, vay dài hạn, chi phí dở dang, khả năng thanh toán, tỷ suất sinh lời đều ở mức an toàn hợp lý trong từng thời kỳ; Không có nợ khó đòi, nợ quá hạn, dự trữ vật tư ở mức hợp lý.

b) Tình hình nợ phải trả.

ĐVT: đồng

NGUỒN VỐN	31/12/2024	01/01/2024
NỢ PHẢI TRẢ	1.613.973.841.221	
Nợ ngắn hạn	1.182.526.542.810	
Nợ dài hạn	431.447.298.411	
VỐN CHỦ SỞ HỮU	729.908.741.732	
Vốn chủ sở hữu	729.908.741.732	
Nguồn kinh phí và quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.343.882.582.953	

3. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục sắp xếp tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển Doanh nghiệp.

- Các biện pháp quản lý: Ngay sau khi họp nhất, Công ty đã kịp thời ban hành các quy chế quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty như: Quy chế Quản trị Công ty; Quy chế tài chính, Quy chế quản lý cán bộ, Quy chế quản lý tiền lương, Quy chế đầu tư xây dựng, Quy chế Công bố Thông tin, Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường..., qua đó làm cơ sở cho Giám đốc điều hành Công ty theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ/Hội đồng quản trị, đảm bảo tốt yêu cầu quản trị Công ty.

- Công ty ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật và tăng cường kiểm tra kiểm soát, xiết chặt công tác tổ chức, công tác điều hành quản lý chung và công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các công trường, phân xưởng và các phòng ban nghiệp vụ. Gắn kỷ luật lao động với năng suất, coi trọng và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả của từng khâu từng công việc, nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng KHCN và chuyển đổi số.

- Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên, phát triển Mỏ.

- Tiếp tục triển khai các dự án theo quy hoạch của TKV, đặc biệt là dự án cụm mỏ Cọc Sáu- Đèo Nai đã được các cấp có thẩm quyền thông qua ;.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Công ty đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính năm 2024 bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Công ty đã ghi nhận một số khuyến nghị của đơn vị kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

(Nội dung này đã được đề cập, báo cáo tại Phần II - Mục 6.6)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Hội đồng quản trị chính thức có hiệu lực kể từ ngày 26/6/2024 với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty, HĐQT đã chủ động sâu sát nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty kịp thời đưa ra chủ trương biện pháp quản lý điều hành Công ty đúng định hướng. Hội đồng quản trị Công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời, đã họp 17 phiên và ban hành 24 Nghị quyết. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 diễn ra ngày 24/4/2024. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 diễn ra ngày 19/11/2024 để thông qua một số lĩnh vực quản trị Công ty cổ phần và tiến hành kiện toàn 01 thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

- Chỉ đạo, ban hành kịp thời các Quy chế quản lý của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình sản xuất tại thời điểm.

- Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông

qua để Giám đốc công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

- Thành viên độc lập HĐQT hoạt động có hiệu quả, tuân thủ các quy định nhà nước để thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐQT, các hoạt động trong SXKD Công ty. Tham gia thẩm tra, thẩm định các quy chế, dự toán, quyết toán, giám sát lĩnh vực tài chính... Trong năm 2024 đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được HĐQT phân công.

- Về thù lao của HĐQT thực hiện đúng Nghị quyết ĐHCĐ hàng năm thông qua.

- Thay đổi thành viên HĐQT:

+ Ông Nguyễn Tấn Long được ĐHCĐ bất thường năm 2024 ngày 19/11/2024 miễn nhiệm Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ I (2024 - 2029).

Lý do: Ông Nguyễn Tấn Long có đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT.

+ Ông Phùng Văn Tuyên được ĐHCĐ cổ đông bất thường ngày 19/11/2024 bầu giữ chức vụ thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV.

Lý do bầu: Kien toàn chức danh TV độc lập HĐQT.

Ngày bắt đầu có hiệu lực: Từ ngày 19/11/2024.

- Căn cứ vào Quy chế hoạt động và Phân công nhiệm vụ, Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên kiểm điểm đánh giá hoạt động theo chức trách phân công; trong năm Các thành viên Hội đồng quản trị theo lĩnh vực được phân công đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty. Các chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- HĐQT thường xuyên giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và phải báo cáo kịp thời các biến động trong quá trình kinh doanh để HĐQT có biện pháp xử lý. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót. Kết quả cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của HĐQT, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản. Vì vậy Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và giao Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban công trường phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả. Trong năm qua các cán bộ quản lý đã được HĐQT Công ty đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

3. Các Kế hoạch định hướng của HĐQT

Năm 2025 và những năm tiếp theo được dự báo còn nhiều khó khăn, Công ty đề ra một số việc như sau:

- Sản lượng khai thác mỏ của Công ty đến năm 2025 theo kế hoạch được TKV giao là 2.600.000 tấn than/năm, đã điều kiện tăng sản lượng, công suất mỏ và tiệm cận dần công suất tối đa khai thác của Dự án cụm mỏ sau này.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các thủ tục đóng cửa mỏ và xin cấp phép của dự án cụm mỏ Cọc Sáu - Đèo Nai theo tiến độ/kế hoạch đề ra và các quy định pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện công tác Tái cơ cấu Công ty sau hợp nhất theo Phương án xây dựng đã được thông qua/phê duyệt, tập trung vào các nội dung sau:

+ Sắp xếp bộ máy tổ chức, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ; tinh giảm cơ cấu, số lượng lao động theo MHM của TKV, phù hợp điều kiện thực tế Công ty để đảm bảo hiệu quả;

+ Rà soát, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ;

+ Xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn tiếp theo, tầm nhìn đến 2030.

+ Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ;

+ Ổn định sản xuất, đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT.

- Thành viên HĐQT:

1) Ông Nguyễn Trọng Tốt: Chủ tịch HĐQT Công ty (Được ĐHĐ cổ đông bất thường năm 2023 của 02 Công ty cử bầu ngày 28,29/12/2023 và có hiệu lực kể từ 26/6/2024).

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: Không

- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước (TKV): 40.257.883 cổ phần bằng 65% Vốn điều lệ.

Ngoài ra còn được TKV cử làm Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước tại các Công ty:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin (Đến hết ngày 17/01/2025);

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin (Đến hết ngày 20/02/2025);

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin.

2) Ông Đặng Thanh Bình: Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 522 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3) Ông Nguyễn Văn Thuận: Thành viên chuyên trách HĐQT.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.392 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

4) Ông Vũ Trọng Hùng: Thành viên HĐQT - Phó giám đốc Công ty.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 787 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

5) Ông Phùng Văn Tuyên: Thành viên độc lập HĐQT (Được ĐHĐ cổ đông bất thường ngày 19/11/2024 bầu ra).

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: Không

- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

- Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:

1) Ông Nguyễn Trọng Tốt: Chủ tịch HĐQT Công ty (Ban Quản lý Vốn của TKV).

2) Nguyễn Văn Thuận: Thành viên chuyên trách HĐQT Công ty.

3) Ông Phùng Văn Tuyên: Thành viên độc lập HĐQT Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không.

c) Hoạt động của HĐQT (Đã nêu tại mục 1 phần IV).

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành (Đã nêu tại mục 1 phần IV).

Các thành viên HĐQT không điều hành đã hoạt động có hiệu quả trong các mặt quản lý của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không.

f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

1) Ông Nguyễn Trọng Tốt – Chủ tịch HĐQT Công ty.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu:

1) Bà Nguyễn Thị Lương Anh: Trưởng ban kiểm soát (Được ĐHĐ cổ đông bất thường năm 2023 của 02 Công ty cũ bầu ngày 28,29/12/2023 và có hiệu lực kể từ 26/6/2024).

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: Không

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

2) Bà Trần Thị Diệp Thành viên Ban kiểm soát.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 650 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3) Bà Nguyễn Thị Yến: Thành viên Ban kiểm soát.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 07 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- Năm 2024, Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Trong kỳ Ban kiểm soát công ty họp 05 phiên để thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm.

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, của HĐQT, kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng quản trị trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, của Giám đốc trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của Công ty:

- Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Giám đốc trong triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin.

- Trong kỳ Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro đều được BKS trao đổi trực tiếp, và/hoặc ghi nhận trong biên bản làm việc, thông báo để đơn vị xử lý và phòng ngừa góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và tuân thủ theo các quy định pháp luật.

- Về thù lao của BKS thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm thông qua.

c) Hoạt động khác của BKS. (Không)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và BKS

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác năm 2024:

- Tiền lương:

+ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc: 1.785.011.000 đồng;

- Thù lao:

+ Hội đồng quản trị: 106.582.000 đồng;
 + Ban kiểm soát: 82.041.000 đồng;
 - Phụ cấp:
 + Thành viên độc lập HĐQT: 29.200.000 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Có Phụ lục 01 kèm theo).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Chấp hành tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Ý kiến của Kiểm toán.

Số: 120325.001/BCTC.QN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV được lập ngày 12 tháng 3 năm 2025, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn..

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán,

Quảng Ninh, ngày 18/3/2024

Chi nhánh Công ty TNHH Hăng
Kiểm toán AASC tại Quảng Ninh

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hải Hương

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0367-2023-002-1

Trần Thị Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1643-2023-002-1

2. Báo cáo Tài chính năm 2024 được kiểm toán.

1) Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị tính: đồng VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.181.605.010.711	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.399.886.659	
1. Tiền	111	VI.1	9.399.886.659	
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.2a		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	VI.2a		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2b		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		428.037.087.816	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a,c	409.605.726.314	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.400.590.292	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	1.030.771.210	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.4a		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5		
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	610.311.747.403	
1. Hàng tồn kho	141		610.487.152.103	

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(175.404.700)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.856.288.833	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	71.439.423.188	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.19	62.416.865.645	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.162.277.572.242	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		241.607.461.022	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3bc	-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	241.607.461.022	
7. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	VI.4b	-	
II. Tài sản cố định	220		836.371.133.866	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	836.084.240.771	
- Nguyên giá	222		5.498.161.556.329	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.662.077.315.558)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11		
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	286.893.095	
- Nguyên giá	228		3.398.981.707	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.112.088.612)	
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	
- Nguyên giá	231		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	16.181.945.874	
1. Chi phí sản xuất dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.181.945.874	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.117.031.480	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	27.901.988.069	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24a	40.215.043.411	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14b		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN {270=100+200}	270		2.343.882.582.953	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.613.973.841.221	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.182.526.542.810	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16acd	463.022.322.126	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	VI.19	41.235.343.313	
4. Phải trả người lao động	314		115.782.586.295	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.20	4.392.300.188	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.22ac		
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	VI.21	15.041.644.876	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15acd	521.658.019.489	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23a		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.394.326.523	
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		431.447.298.411	
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.16bed		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn.	333	VI.20		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.22bc		
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.21		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		429.809.163.600	

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	VI.17		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	VI.22		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24b		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23b	1.638.134.811	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		729.908.741.732	
I. Vốn chủ sở hữu	410		729.908.741.732	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	VI.25a	619.352.020.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		619.352.020.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a	(66.000.000)	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	VI.25a		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a		
5. Cổ phiếu quỹ	415	VI.25d		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	VI.25a		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	VI.25a		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	28.736.167.038	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	81.886.554.694	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.283.134.138	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		62.603.420.556	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431	VI.28	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN {440 = 300+400}	440		2.343.882.582.953	

2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: đồng VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.893.881.498.708	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV {10 = 01-02}	10		2.893.881.498.708	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	2.674.640.502.258	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & CCDV {20 = 10-11}	20		219.240.996.450	

= 10-11}				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3.687.734.763	
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	21.053.249.615	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.053.249.615	
8. Chi phí bán hàng	24		2.524.433.244	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		136.767.968.545	
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		62.583.079.809	
11. Thu nhập khác	31		9.568.525.541	
12. Chi phí khác	32		8.457.926.733	
13. Lợi nhuận khác {40 = 31 - 32}	40		1.110.598.808	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế {50=30+40}	50		63.693.678.617	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	1.090.258.061	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp {60 = 50-51-52}	60		62.603.420.556	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.011	

3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Năm 2024 (Theo phương pháp gián tiếp) Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63.693.678.617	
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		101.671.359.988	
Các khoản dự phòng	03		175.404.700	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		8.044.612.172	
Chi phí lãi vay	06		21.053.249.615	
Các khoản điều chỉnh khác	07		(6.031.175.915)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		188.607.129.177	
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(62.110.061.405)	
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		25.961.383.465	
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (ko bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(138.007.664.950)	
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		144.614.791.096	

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.813.534.114)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.000.000.000)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		844.500.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.442.510.780)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		120.654.032.489	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(243.636.503.774)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		(86.954.724)	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		115.121.208	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			(243.608.337.290)	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VIII.3	571.541.249.996	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VIII.4	(438.480.490.036)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(706.568.500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.354.191.460	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		9.399.886.659	
Tiền tồn đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền tồn cuối kỳ	70		9.399.886.659	

Trên đây là Báo cáo Thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV xin được báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cùng toàn thể cổ đông Công ty. 

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (B/c);
- Sở GDCK Hà Nội (B/c);
- Thành viên HĐQT, BKS, BGD, KTT;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP, HĐQT, Website Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đặng Thanh Bình

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2024 (Từ 26/6/2024 đến 31/12/2024)
(Kèm theo Báo cáo số: 2359 /BC-TĐNCS, ngày 26 tháng 3 năm 2025)

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định củaĐHCĐ/HĐQT	Nội dung, kết quả giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). Bao gồm các Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn/ TNHH MTV như sau: (1) Công ty Tuyển Than Cửa Ông - Vinacomin; (2) Công ty Kho vận Cẩm Phả - Vinacomin; (3) Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin; (4) Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Cổ đông lớn	Mã số DN: 5700100256; Số KH&ĐT Hà Nội	Số 03, đường Dương Đình Nghệ, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Hàng năm	Điều lệ TKV	- Hợp đồng PHKD; Hợp đồng nguyên tắc; - Hợp đồng chuyển quyền sử dụng chuyển nhượng VINACOMIN/TKV (0,3% doanh thu/năm của năm liền trước). - HĐ mua bán than mỏ: HĐ nguyên tắc; Hợp đồng dịch vụ mỏ mỏn; Hợp đồng xử lý môi trường; Giá trị giao dịch: - Cửa Ông: 2.084,8 tỷđ - Kho vận: 1.319,2 tỷđ - hóa chất mỏ: 154,96 tỷ đ - Cty môi trường: 27,7 tỷ đ	- TKV Năm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty - Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất.
2	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;	Ông Nguyễn Trọng Tốt là Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin	MST: 5700101877	Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.	Hàng năm	Nghị quyết số 15/NQ-ĐHCĐ ngày 19/11/2024 của ĐHCĐBT 2024 V/v thông qua hợp đồng, giao dịch với Người liên quan.	Chưa phát sinh giao dịch đến thời điểm báo cáo;	

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT	Nội dung, kết quả giao dịch	Ghi chú
3	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin;	Ông Nguyễn Trọng Tốt hiện tại là Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Than Hà Lâm	MST: 5700101637	Phường Hà Lâm, TP Hà Long, tỉnh Quảng Ninh.	Hàng năm	nt.	Chưa phát sinh giao dịch đến thời điểm báo cáo;	
4	Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin;	Ông: Nguyễn Trọng Tốt là Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin	MST: 5700101203	Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.	Hàng năm	nt.	Chưa phát sinh giao dịch đến thời điểm báo cáo;	
5	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin (Bao gồm cả chi nhánh Văn Long);	Bà: Nguyễn Thị Lương Anh hiện tại là trưởng BKS Công ty đồng thời cũng là Thành viên BKS Công ty cổ phần du lịch & thương mại - Vinacomin	MST: 100101298	Tầng 8, Toà nhà Việt Á - phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Hàng năm	nt.	(1) Nội dung giao dịch: - Hợp đồng Phục vụ bữa ăn công nghiệp; - Mua bán vật tư, lốp xe ô tô các loại; (2) Giá trị giao dịch: 57,584 tỷ đồng;	

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT	Nội dung, kết quả giao dịch	Ghi chú
6	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin;	Bà: Nguyễn Thị Lương Anh hiện tại là trưởng BKS Công đồng thời cũng là Kiểm soát viên Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	MST: 0100101594	Số 3 Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Hàng năm	nt	(1) HĐ: Mua bán vật tư (HĐ đánh giá ổn định bờ mỏ; HĐ mua bán bột Manhétit mịn qua Công ty cổ phần Phát triển công nghệ và Thiết bị mỏ) (2) Giá trị giao dịch: 2,9 tỷ đồng;	
7	Công ty Cổ phần Than Hà Tu- Vinacomin	Bà: Nguyễn Thị Lương Anh hiện tại là trưởng BKS Công ty đồng thời cũng là Trưởng BKS Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.	Mã số thuế: 5700101323	Phường Hà Lâm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Hàng năm	nt	Chưa phát sinh giao dịch đến thời điểm báo cáo;	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hoàng Đức Giang

